

CHÍNH PHỦ
Số: 106/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (gọi chung là đơn vị vũ trang nhân dân), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đã thực hiện giao vốn cho doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân

Tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân là những tài sản nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gồm:

- Tài sản đặc biệt.
- Tài sản chuyên dùng.

3. Tài sản phục vụ công tác quản lý.

4. Danh mục cụ thể tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản đặc biệt là tài sản chỉ sử dụng trong chiến đấu, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và nghiệp vụ quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đặc biệt; phương tiện đặc chủng, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ;

b) Công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh.

2. Tài sản chuyên dùng là tài sản sử dụng thường xuyên phục vụ hoạt động quốc phòng, an ninh của đơn vị vũ trang nhân dân không thuộc khoản 1 Điều này, gồm:

a) Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc doanh trại, trụ sở đóng quân, kho tàng, trường đào tạo nghiệp vụ quốc phòng, an ninh, trường bắn, thao trường, bãi tập, cơ sở giam giữ của các đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt là công trình chuyên dùng);

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng quốc phòng, an ninh;

c) Công cụ hỗ trợ khác (ngoài công cụ hỗ trợ đặc biệt) và các tài sản khác là loại tài sản có cấu tạo đặc biệt phục vụ công tác, chiến đấu của đơn vị vũ trang nhân dân.

3. Tài sản phục vụ công tác quản lý là tài sản sử dụng trong công tác, huấn luyện, nghiệp vụ, học tập của đơn vị vũ trang nhân dân, gồm:

a) Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc nhà trường (trừ các học viện, trường đào tạo nghiệp vụ quốc phòng, an ninh); cơ sở khám, chữa bệnh, nhà an dưỡng, nhà điều dưỡng; nhà khách, nhà công vụ; nhà thi đấu, nhà tập luyện thể dục, thể thao và các cơ sở khác không thuộc khuôn viên doanh trại, trụ sở đóng quân của các đơn vị vũ trang nhân dân;

b) Xe ô tô chỉ huy, xe ô tô phục vụ công tác, các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

c) Máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc.

4. Công trình chiến đấu là những công trình sử dụng vào mục đích phòng thủ đất nước và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.
5. Công trình nghiệp vụ an ninh là những công trình sử dụng vào công tác nghiệp vụ bảo đảm an ninh quốc gia.
6. Biên chế tài sản tại đơn vị vũ trang nhân dân là số lượng và cơ cấu bố trí trang bị vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ hợp lý trong một đơn vị vũ trang nhân dân nhằm bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó.
7. Loại ra khỏi biên chế tài sản của đơn vị vũ trang nhân dân là việc đưa trang bị vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ ra khỏi đơn vị đó để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 4. Nguồn hình thành tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân

1. Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật, quyền sử dụng đất, bao gồm cả tài sản tài trợ, viện trợ của các Chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng và các tài sản khác được xác lập sở hữu nhà nước.
2. Nhà nước giao ngân sách để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, bao gồm cả nguồn kinh phí do ngân sách địa phương hỗ trợ và nguồn kinh phí do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ.
3. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong việc quản lý nhà nước về tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân

1. Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc; tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác trong các cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân.
2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an:
 - a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan trong việc ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân ngoài quy định tại khoản 1 Điều này;

- b) Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo quản, bảo dưỡng, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, tiêu hủy, bán, liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- c) Tổ chức kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân; hằng năm báo cáo theo quy định của pháp luật về tình hình quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý;
- d) Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý;
- đ) Tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐẶC BIỆT TẠI ĐƠN VỊ VŨ TRANG NHÂN DÂN

Điều 6. Đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh

1. Nhà nước đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh tại đơn vị vũ trang nhân dân bằng các phương thức sau đây:

- a) Giao cho tổ chức có chức năng thực hiện đầu tư xây dựng;
- b) Giao ngân sách cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh quyết định phương thức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thành lập mới hoặc giao cho tổ chức hiện có thực hiện đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh theo phương thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Việc đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh phải bảo đảm bí mật nhà nước, thực hiện giám sát an ninh theo quy định.

5. Quy chế xây dựng công trình chiến đấu, công trình nghiệp vụ an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 7. Mua sắm tài sản đặc biệt

1. Việc mua sắm tài sản đặc biệt phải phù hợp với nhu cầu sử dụng và đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao;
- b) Phù hợp với biên chế tài sản và khả năng của ngân sách nhà nước;
- c) Bảo đảm yêu cầu bí mật.

2. Việc mua sắm tài sản đặc biệt chủ yếu thực hiện theo phương thức tập trung, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý.

3. Kinh phí mua sắm tài sản đặc biệt tại đơn vị vũ trang nhân dân do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản đặc biệt:

a) Đối với tài sản được mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư tập trung, nguồn ngân sách đặc biệt cho quốc phòng, an ninh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Căn cứ đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc mua sắm tài sản;

b) Đối với tài sản được mua sắm từ các nguồn không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc mua sắm.

5. Hình thức mua sắm tài sản do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phù hợp với tính chất, đặc điểm tài sản mua sắm theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về mua sắm, trang bị tài sản nhà nước.

6. Quy chế mua sắm tài sản do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 8. Sử dụng tài sản đặc biệt

1. Tài sản đặc biệt phải sử dụng đúng mục đích, công năng, biên chế tài sản, chế độ quản lý, sử dụng, bảo đảm an toàn, bí mật.